

VAI TRÒ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thúy*, Đỗ Thị Huyền Thanh**

Ngày nhận bài: 19/01/2022

Ngày nhận bài sửa: 11/05/2022

Ngày duyệt đăng: 15/05/2022

Tóm tắt: Kỹ năng mềm (KNM) đang ngày càng trở lên quan trọng và cần thiết đối với tất cả mọi người, đặc biệt đối với sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động đào tạo kỹ năng mềm (ĐTKNM) cho sinh viên trong những năm vừa qua đã và đang được một số các trường đại học quan tâm, chú trọng thực hiện tốt. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường đại học chưa thực sự quan tâm, đầu tư nhiều cho hoạt động này, trong đó có một phần nguyên nhân thuộc về nhận thức vai trò của ĐTKNM cho sinh viên. Bài viết tập trung phân tích vai trò của ĐTKNM cho sinh viên và nêu ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ĐTKNM cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Kỹ năng mềm, đào tạo kỹ năng mềm, vai trò đào tạo kỹ năng mềm, sinh viên

THE ROLE OF SOFT SKILLS TRAINING FOR VIETNAM STUDENTS IN THE CURRENT PERIOD

Abstract: Soft skills are becoming more and more important and necessary for everyone, especially for Vietnamese students in the current period. Soft skills training activities for students in recent years have been and are being paid attention by a number of universities, focusing on well implementation. However, there are still some universities that have not really paid much attention and invested in this activity, in which part of the reason is the awareness of the role of soft skills training for students. The article focuses on analyzing the role of soft skills training for students and points out some solutions to improve the effectiveness of soft skills training for students in the current period.

Key words: Soft skills, soft skills training, the role of soft skills training, students

1. Một số vấn đề lý luận về đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên

[1] Khái niệm

Kỹ năng (KN) là thuật ngữ thường được sử dụng trong những lĩnh vực cụ thể, gắn với kiến thức và sự thành công của hoạt động thực tiễn. Theo Đại từ điển Tiếng Việt, “Kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được vào thực tế”². Kỹ năng là một dạng hành động của con người vận dụng sáng tạo tri thức, kinh nghiệm và cách thức hành động vào hoạt động

thực tiễn trong các điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, thực hiện có kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã đặt ra. Dựa theo các tiêu chí khác nhau, người ta phân chia ra thành các loại KN khác nhau, trong đó có cách phân chia KN thành: Kỹ năng cứng và kỹ năng mềm.

Kỹ năng cứng còn được gọi là KN chuyên môn, được hiểu là những KN nghề nghiệp thể hiện trình độ học vấn hay bằng cấp và chứng chỉ, kinh nghiệm và sự thành thạo về chuyên môn qua hành vi, hành động của mỗi con người.

* Tiến sĩ, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh, Email: nguyenthithuy2007@gmail.com

** Thạc sĩ, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh, Email: thanhkttqd1001@gmail.com

² Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.934

Thuật ngữ “kỹ năng mềm” được thế giới đề cập nhiều vào những năm đầu của thế kỷ XXI. Theo Alex K. “Kỹ năng mềm là các kỹ năng giúp con người sử dụng các kỹ năng chuyên môn và kiến thức thực tế hiệu quả hơn và giúp bạn tiến xa hơn trong một nghề nghiệp nào đó”³. Ở Việt Nam, khái niệm “kỹ năng mềm” được quan tâm trong khoảng thời gian 20 năm trở lại đây. Tuy có nhiều cách định nghĩa khác nhau, nhưng nhìn chung có thể hiểu “Kỹ năng mềm là hệ thống các kỹ năng cơ bản được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hay tương tác xã hội, cộng đồng, bạn bè, đồng nghiệp, đối tác, tổ chức của mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc và thành đạt trong cuộc sống”⁴. Như vậy, KNM không phải là bẩm sinh hay sản phẩm tự nhiên mà nó được hình thành do con người được học tập, được đào tạo và tự rèn luyện, trải nghiệm đích thực trong môi trường học tập, công việc và xã hội, nó liên quan đến chỉ số về trí tuệ cảm xúc (EQ) của con người. KNM chủ yếu là những KN thuộc về tính cách con người có mối liên hệ hữu cơ với KN chuyên môn, bao gồm: KN giao tiếp, KN thuyết trình, KN lãnh đạo, KN làm việc nhóm, KN quản lý thời gian, KN học và tự học, KN đàm phán...

ĐTKNM cho SV là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch đến đến nhận thức, thái độ của SV đồng thời kết hợp huấn luyện cho người học những hoạt động, hành vi tương ứng nhằm hình thành KNM. ĐTKNM cho SV là việc dạy các KN có liên quan đến việc SV hòa nhập mình vào cuộc sống hay tương tác với xã hội, cộng đồng, tập thể hoặc tổ chức, để từ đó SV lĩnh hội và nắm vững những tri thức, KN nghề nghiệp một cách có hệ thống để chuẩn bị cho mình thích nghi với cuộc sống và khả năng đảm nhận được một công việc nhất định trong xã hội.

[2] Yêu cầu trong đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên

Thứ nhất, ĐTKNM cho SV đòi hỏi phải phát triển những điều kiện bên trong của sự hình thành, phát triển KNM như nhận thức, nhu cầu, động cơ, ý chí của SV. Việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của ĐTKNM, sự cần thiết phải tự rèn luyện KNM ở SV là yêu cầu đầu tiên và bắt buộc. Chỉ khi SV nhận thức đúng mới hình thành trong họ động cơ học tập tốt, ý chí vượt khó để từ đó họ có khả năng thích ứng, biết cách ứng phó trước những tình huống căng thẳng, khó khăn trong hoạt động hàng ngày; tạo ra cho SV những cơ hội, hướng suy nghĩ, hướng hành động tích cực và sự tự tin, năng động cũng như giúp SV tự có quyết định và đưa ra những lựa chọn đúng đắn trong các vấn đề của cuộc sống...

Thứ hai, ĐTKNM cho SV phải hình thành nhu cầu, động cơ, ý chí rèn luyện KNM cho SV thông qua các hoạt động giảng dạy, học tập, tham gia các hoạt động của nhà trường, xã hội như: tích hợp KNM trong chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo KNM qua một số học phần KNM; nội dung ĐTKNM phải tập trung đào tạo KN thực hành, coi trọng giáo dục nhận thức, rèn luyện tính phản xạ, rèn luyện KN thích ứng theo yêu cầu của từng ngành nghề, nâng cao KN vận dụng các kiến thức chuyên môn áp dụng vào thực tiễn công việc; tổ chức môi trường để SV rèn luyện KNM; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tạo điều kiện cho rèn luyện KNM; hướng dẫn cách rèn luyện, thực hành KNM cho SV Giúp họ thích ứng tốt với môi trường và điều kiện làm việc sau khi tốt nghiệp, trên cơ sở đó có thể khai thác, vận dụng tốt nhất kiến thức chuyên môn để trở thành người thành đạt trong nghề nghiệp. ĐTKNM cho SV đòi hỏi ở mỗi SV sự nỗ lực, tập luyện và phát triển một cách có định hướng, có biện pháp gắn với những phương pháp cụ thể.

³ Alex K. (2010), *Soft skills: Knowing yourself & Know the World*, New Delhi: S. Chand & Company Ltd, tr.18

⁴ Tạ Quang Thảo (2015), *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên khối ngành kinh tế các trường cao đẳng khu*

vực trung du, miền núi phía Bắc theo tiếp cận chuẩn đầu ra, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, trường Đại học Thái Nguyên, tr.21

2. Vai trò của đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

2.1. Đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên nhằm hướng đến hoàn thiện nhân cách sinh viên

Khi nói đến nhân cách SV, thực chất biểu hiện là nhân cách của những người trẻ tuổi đang chuẩn bị hành trang về tri thức, KN, kỹ xảo để thực hiện chức năng người chuyên gia có trình độ nghiệp vụ cao trong một lĩnh vực hoạt động nào đó của xã hội thông qua sự hướng dẫn của giảng viên để phục vụ cho nghề nghiệp sau này. Đây cũng là thời kỳ có sự biến đổi mạnh mẽ về nhận thức, động cơ, thang giá trị xã hội có liên quan đến nghề nghiệp sau này của họ. Để có những hành động đúng đắn, điều khiển được cảm xúc của bản thân thì KNM chính là một yếu tố quan trọng giúp SV ý thức được hành động và biết cách làm chủ bản thân, để từ đó giúp cuộc sống của họ ít gặp khó khăn và nếu gặp thì tự bản thân mỗi SV biết cách giải quyết sao cho khoa học. Có KNM, SV sẽ tự tin trong cuộc sống và nhất là trong công việc, có lập trường vững vàng hơn, tư duy nhanh nhạy và sắc bén hơn, cách ứng phó và xử lý tình huống gặp phải trong cuộc sống cũng hiệu quả hơn, cũng như biết ứng xử khéo léo hơn với tất cả mọi người.

Do đó, ĐTKNM cho SV sẽ góp phần hướng đến hoàn thiện nhân cách SV, bởi ĐTKNM chính là giáo dục, rèn luyện cho họ biết cách tương tác, hòa nhập với nhiều đối tượng khác nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, công tác chuyên môn và nhiều hoạt động ngoài xã hội. SV khi được ĐTKNM sẽ tiếp tục rèn luyện, hình thành những tính cách, phẩm chất tốt đẹp; những yếu tố này sẽ hòa quyện với giá trị sống của con người. Đây là điều kiện hết sức quan trọng để hình thành nên một con người vừa có tài năng, vừa có đức độ, vừa có đủ sự tự tin, năng động cần thiết để sống và làm việc trong xã hội hiện đại luôn có nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức như hiện nay.

2.2. Đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay

Trình độ học vấn chỉ là điều kiện cần, chưa phải là điều kiện đủ để SV có thể “ra đời” và làm việc tốt. Đặc biệt, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, xu thế toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức hiện nay, thì KNM của SV ngày càng được đánh giá cao và coi trọng. Bên cạnh tâm hiếu biết và chuyên môn, KNM cũng là nhân tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng đến quyết định tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp hiện nay. Bởi, có KNM, con người biết cách tự quản lý, lãnh đạo chính bản thân mình và sẽ mang đến cho họ cơ hội kết nối, duy trì và mở rộng, phát triển tốt mối quan hệ với cộng sự, với lãnh đạo và với đối tác kinh doanh cũng như tương tác tốt với những người xung quanh, để cuộc sống và công việc của họ thật hiệu quả. Với ý nghĩa đó, KNM chính là điều kiện quan trọng để SV thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đạt hiệu quả cao. Một người lao động có KNM sẽ không bị bế tắc trong quá trình giải quyết, xử lý công việc, vì KNM sẽ giúp họ nhanh chóng tìm ra được những hướng đi, cách xử lý linh hoạt, hiệu quả trong điều kiện và khuôn khổ cho phép. Đó cũng chính là thể hiện tính sáng tạo trong làm việc. Do đó, ĐTKNM cho SV chính là giúp họ biến những tri thức, năng lực chuyên môn đã được đào tạo thành những hành động, việc làm hiệu quả trong thực tiễn công việc, giúp tăng năng suất, hiệu quả lao động và có thể hợp tác tốt với người khác trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn.

Báo cáo phát triển Việt Nam 2014 của Ngân hàng Thế giới cũng đã chỉ ra KNM là một vấn đề rất quan trọng trong xã hội hiện đại, rằng: “việc trang bị cho người lao động những kỹ năng cần thiết sẽ là một phân quan trọng trong nỗ lực của Việt Nam để tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế và tiếp tục hiện đại hóa nền kinh tế trong thập kỷ tới và xa hơn nữa”⁵. Do đó, để có nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội,

⁵ Ngân hàng Thế giới (2014), *Báo cáo phát triển Việt Nam*

trong những năm gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhiều lần lên tiếng đề cập đến KNM cũng như tầm quan trọng của ĐTKNM cho SV. Đặc biệt, gần đây nhất là Quyết định 619/QĐ - BGDĐT ngày 03/03/2022, về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2030, trong đó ở Mục tiêu 2: Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên là học sinh, sinh viên được bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. “2.1. Chỉ tiêu: - Hàng năm, 100% thanh niên học sinh, sinh viên được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm”⁶. Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu trên, các trường đại học trong những năm qua đã có nhiều điều chỉnh mục tiêu đào tạo của mình theo hướng vừa trang bị kiến thức chuyên môn vững chắc, đồng thời chú trọng trang bị KNM cho SV. Một loạt các trường đại học đã yêu cầu SV phải có chứng chỉ KNM - đây là một trong các điều kiện bắt buộc để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân. Những KNM mà SV đã được đào tạo ở các trường có thể kể ra như: KN khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp, KN giao tiếp, KN phân tích, phản biện và giải quyết vấn đề; KN học tập suốt đời, KN làm việc nhóm, KN tìm việc làm...

Việc được trang bị KNM đầy đủ và sớm sẽ giúp sinh SV nhanh chóng có được động lực, sự tự tin, lý tưởng để theo đuổi ngành nghề, có phương pháp tốt để học tập, làm việc có khoa học, dễ thích ứng, hòa nhập môi trường học tập, lao động. Đồng thời, SV biết tạo cho mình những điều kiện thuận lợi để hỗ trợ phát triển năng lực ngành nghề như có khả năng giao tiếp để trao đổi chuyên môn cùng bạn bè, trao đổi chuyên môn với giảng viên chuyên ngành ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường. Có KNM sẽ giúp SV tốt nghiệp ra trường có sự tự tin, tư duy phân tích, sáng tạo, tư duy phản biện và khả năng áp dụng kiến thức đã học để giải quyết tốt các vấn đề trong công việc, họ có khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp cũng như đánh giá giải pháp, họ có khả năng

mở rộng và phát triển KN tư duy, để cung cấp những ý tưởng, những giải pháp thay thế, từ đó nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc sau khi ra trường, tăng tính sáng tạo và nâng cao năng suất lao động.

2.3. Đào tạo kỹ năng mềm nhằm đem lại chìa khóa thành công cho sinh viên

KNM cần thiết cho tất cả mọi người, cho dù họ còn ngồi trên ghế nhà trường hay đã đi làm. Với SV, được đào tạo và tự mình trau dồi KNM lại càng trở lên quan trọng, bởi khi trở thành SV họ phải làm quen với môi trường sống mới, đòi hỏi họ phải tự lập, phải hợp tác với những SV mới đến từ các vùng miền khác nhau. Không chỉ làm quen với cuộc sống mới mà SV còn phải làm quen với môi trường, phương pháp học tập mới. Để đạt được kết quả học tập cao trong trường đại học, ngoài việc lắng nghe giảng viên giảng bài, tiếp thu ý kiến của thầy cô, SV còn cần phải tự mình nghiên cứu những tài liệu liên quan đến học tập, họ cần phải linh hoạt, sáng tạo trong học tập, cần phải nêu lên ý kiến của chính bản thân mình, điều này đã đòi hỏi SV cần phải có các KNM như KN học và tự học, KN giao tiếp, KN thuyết trình, KN làm việc nhóm... nhằm đạt được kết quả cao trong học tập theo hình thức tín chỉ như hiện nay.

Ngân hàng Thế giới gọi thế kỷ XXI là kỷ nguyên của nền kinh tế dựa vào KN, đặc biệt do ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp đều chú ý quan tâm đến công tác tuyển dụng nhân sự giỏi - những người giỏi về chuyên môn (KN cứng) và KNM tốt. Các doanh nghiệp đó đặc biệt quan tâm, đánh giá cao KNM của các ứng cử viên thông qua cách họ chuẩn bị hồ sơ xin việc, cách họ chuẩn bị cho buổi phỏng vấn, thái độ tự tin, khả năng giải quyết các vấn đề tình huống được đưa ra, KN ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông... hơn là chú trọng đến bằng cấp của ứng viên. Do đó, ĐTKNM cho SV trong giai đoạn hiện nay là nhằm đào tạo người lao động có trình độ cao, có phẩm chất, có năng lực đáp ứng yêu cầu xã hội, thích ứng nhanh với môi trường làm việc cạnh tranh có tính quốc tế

⁶ Bộ GD và ĐT (2022), Quyết định số 619-BGDĐT, ngày 03/03/2022, Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược

phát triển thanh niên Việt Nam trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2030

cao. Song, hầu hết các nhà quản lý và nhà tuyển dụng đều than phiền nhân viên trẻ thường thiếu và rất yếu về KNM, đa số họ không đáp ứng được yêu cầu công việc dù họ có bằng cấp rất tốt. Một nghiên cứu khác cũng cho thấy, khoảng 70% SV ra trường khó xin việc vì không có kinh nghiệm và thiếu các KN cần thiết. Cơ hội SV tìm được công việc thích hợp, lương cao, môi trường tốt ở các công ty lớn hay tập đoàn nước ngoài là khá xa vời nếu như họ thiếu KNM.

Thiếu KNM đang là một rào cản lớn, ảnh hưởng tới kết quả học tập trong trường, cũng như sự thành công của SV khi đi làm. Điều đó càng cho thấy, cùng với KN chuyên môn, SV cần có KNM, bởi, đạo đức nghề nghiệp, thái độ đối với công việc, KN giao tiếp, KN làm việc nhóm, trí tuệ tình cảm và đức tính tốt, giá trị cá nhân khác là những KNM không thể thiếu để SV phát triển nghề nghiệp. Với các KNM được đào tạo và tự rèn luyện, SV có thể phát triển thành một người lãnh đạo thành công trong tương lai. Chính vì vậy Rain S. đã khẳng định: *“Kỹ năng mềm đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển nhân cách và triển vọng nghề nghiệp toàn diện vì nó quyết định đến 75% sự thành công trong công việc của một cá nhân”*⁷. ĐTKNM cho SV có ý nghĩa hết sức quan trọng, cần phải được các trường đại học quan tâm đúng mức, bởi hoạt động này sẽ đảm bảo chất lượng đồng bộ trong suốt quá trình đào tạo, sẽ góp phần quyết định năng lực học tập và làm việc, hiệu quả công việc của SV khi ra trường, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ đặc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

3.1. Nhóm giải pháp về chương trình, hoạt động đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên

- Cần xây dựng nội dung chương trình ĐTKNM phù hợp, biên soạn đầy đủ tài liệu, giáo trình về KNM, đặc biệt chú trọng các KNM mang tính đặc thù của từng ngành đào tạo.

Để đáp ứng được nhu cầu học tập và rèn luyện KNM của SV, các trường đại học cần xây dựng nội dung chương trình ĐTKNM phù hợp gắn với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của trường. Nội dung ĐTKNM cần sắp xếp sao cho phù hợp với từng đối tượng SV năm 1,2,3,4 và SV giữa các khoa. Chương trình đào tạo cần linh hoạt, mềm dẻo, trong đó, ngoài các học phần KNM bắt buộc thì SV có thể đăng ký thêm các KNM tự chọn. Để thực hiện chương trình đào tạo, các trường cần chủ động xây dựng các tài liệu học tập, giáo trình KNM cụ thể. Đặc biệt, các tài liệu này nên xem xét đến tính phù hợp với khối ngành học và mang tính thực tế cao. Mặt khác, hàng năm cần có sự bổ sung, cập nhật tính mới của nội dung ĐTKNM nhằm đáp ứng yêu cầu của thời đại.

- Cần trang bị, đào tạo các KNM cần thiết cho SV ngay từ năm thứ nhất.

Việc trang bị sớm KNM cho SV để giúp họ tự khám phá bản thân, lập kế hoạch nghề nghiệp ngay từ năm thứ nhất sẽ là cần thiết, bởi nó định hướng toàn bộ nhận thức, động cơ, ý chí học tập cho SV trong suốt 4 năm học đại học. Nhà trường cần sớm định hướng cho SV thay đổi nhanh chóng cách học, cách làm việc từ thụ động nhận kiến thức sang chủ động học tập tiếp nhận kiến thức từ giảng viên; định hướng cho SV phát triển KNM thông qua đọc sách về KNM; tham khảo các trang web đào tạo KNM, các video về KNM, chủ động và tích cực tham gia vào các chương trình ĐTKNM của nhà trường cũng như các tổ chức xã hội khác; chủ động tham gia vào các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các Câu lạc bộ để tăng tính trải nghiệm, rèn luyện, phát triển KNM cho bản thân.

- Cần rà soát, cải tiến và tích hợp các KNM trong các môn học khác nhau của chương trình đào tạo.

Việc tích hợp KNM vào các môn học chính ở trường đại học đòi hỏi chính những giảng viên tham gia giảng dạy KNM cần phải tham gia góp ý, xây dựng ma trận chuẩn đầu ra của môn học. Việc tích hợp này sẽ giúp SV có thể ứng dụng

⁷ Rani S. (2010), *Need and importance of soft skills in students*, Sri Sarada College for Women, Salem, tr.3

các KNM đã biết vào những hoạt động học tập, qua đó sẽ tăng thêm hứng thú học tập, khơi dậy, phát huy và rèn luyện KNM một cách thường xuyên. Cũng từ đó, SV có cơ hội để bổ sung thêm hiểu biết, kinh nghiệm thực tế cho những kiến thức đã học. Tuy nhiên, phương pháp tích hợp này sẽ gặp khó khăn và khó áp dụng nếu các giảng viên chưa thay đổi được cách dạy học từ truyền thống sang dạy học tích cực - dạy học lấy người học làm trung tâm.

- Cần tăng thời lượng và các tình huống thực hành trong các môn học chuyên ngành và các học phần KNM.

Để đào tạo được SV có khả năng thích ứng tốt, nhà trường cần tăng thời lượng và các tình huống thực hành trong các môn học chuyên ngành và các học phần KNM, cần có sự điều chỉnh hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, trong đó đảm bảo thời gian, nội dung thực hành một cách hiệu quả. Trên thực tế KNM mang tính ứng dụng cao, người học cần có sự trải nghiệm, vì vậy, các trường nên bố trí số lượng SV tối đa từ 30 - 40 SV là hợp lý để các em có cơ hội thực hành các KNM đã học.

- Nhà trường cần liên kết với các cơ quan, doanh nghiệp trong việc tư vấn, ĐTKNM cho SV.

Các trường nên thường xuyên tổ chức các chương trình “Ngày hội việc làm”, “Tư vấn kỹ năng phỏng vấn”, “Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên” đặc biệt là đối với SV năm cuối. Ngoài ra, có thể soạn thảo tiêu chuẩn đánh giá năng lực KNM của SV mà các trường đang đào tạo và có tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng. Có như vậy, mới giúp họ có định hướng rèn luyện những KNM mà SV còn thiếu và yếu, đồng thời đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

- Cần thành lập các tổ hoặc bộ phận chuyên trách về ĐTKNM trực thuộc Ban Giám hiệu hoặc trực thuộc Trung tâm để thực hiện có hiệu quả các chương trình ĐTKNM cho SV.

Đây sẽ là nơi trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm về ĐTKNM cho SV toàn trường. Tổ hoặc bộ phận chuyên trách cần đưa ra một chương trình, kế hoạch trang bị, rèn luyện và phát triển về KNM cho SV của mỗi khoa ở mỗi

năm học; xây dựng bảng test KNM, đánh giá KNM của SV để đảm bảo mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

3.2. Nhóm giải pháp xây dựng và cải thiện nâng cao chất lượng về đội ngũ giảng dạy, đào tạo, hướng dẫn kỹ năng mềm cho sinh viên

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực, kinh nghiệm giảng dạy KNM cho đội ngũ giảng viên nói chung và giảng viên giảng dạy KNM nói riêng tại các trường đại học.

Muốn đào tạo, hướng dẫn, nâng cao KNM cho SV trước hết phải nâng cao năng lực, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy KNM cho đội ngũ giảng viên. Các trường đại học cần tạo dựng môi trường làm việc tốt, chế độ đãi ngộ vật chất tốt để khuyến khích, động viên các giảng viên tham gia ĐTKNM cho SV, tạo điều kiện để các giảng viên giảng dạy KNM được đào tạo một cách bài bản; thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng KNM cho giảng viên của toàn trường để họ dễ dàng biết cách tích hợp KNM trong các môn học đang giảng dạy.

- Đội ngũ giảng viên cần phải cải tiến phương pháp giảng dạy, mạnh dạn áp dụng các phương pháp dạy học tích cực

Giảng viên cần có sự khích lệ, động viên để SV có cơ hội thể hiện KNM của mình. Trong giảng dạy KNM, giảng viên có thể sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp dạy học trải nghiệm, đây là những phương pháp mà người học cảm thấy sôi động, hào hứng, tạo ra niềm vui và phát huy được tính sáng tạo, chủ động của người học. Đặc biệt, trong thời đại công nghệ phát triển như hiện nay, đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải tích cực nghiên cứu, không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy hiệu quả, nắm bắt được xu hướng phát triển, ứng dụng công nghệ hiện đại vào bài giảng.

- Tăng cường vai trò của cố vấn học tập trong định hướng, hướng dẫn KNM cho SV.

Trên thực tế, cố vấn học tập chính là người thầy đầu tiên định hướng về tầm quan trọng, cách thức trang bị, rèn luyện và phát triển KNM cho SV; thường xuyên nhắc nhở, động viên, khuyến khích, tạo ra các hoạt động hoặc đốc thúc SV tham gia các hoạt động đoàn thể nhằm

giúp cho SV có cơ hội phát huy, rèn luyện KNM. Các cố vấn học tập cần đa dạng hóa các buổi sinh hoạt lớp với mục đích vừa truyền đạt những thông tin cần thiết, vừa tạo điều kiện cho SV phát triển các KNM như KN thuyết trình, KN làm việc nhóm.

- Tăng cường vai trò của các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Trung tâm tư vấn và hỗ trợ SV.

Các tổ chức này cần tổ chức các câu lạc bộ, các buổi tọa đàm, các chương trình Gala, trò chơi, cuộc thi... để SV có cơ hội thể hiện các KNM. Đặc biệt, cần tổ chức những buổi hội thảo về KNM do chính SV trong các khoa, trong trường tự tổ chức nhằm tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm về các chương trình của chính SV. Ngoài ra có thể tổ chức các buổi giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa SV trong trường và SV trường khác về cách thức học tập và rèn luyện KNM.

3.3. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất đảm bảo đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên

Mặc dù đây không phải là yếu tố mang tính quyết định đến hiệu quả của việc ĐTKNM nhưng cũng là một yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ. Các trường cần có các phòng học và các cơ sở vật chất khác đảm bảo cho ĐTKNM như có mạng internet, máy tính, máy quay, màn hình chiếu, các không gian mở để phục vụ tốt các hoạt động giảng dạy và thực hành KNM.

3.4. Nhóm giải pháp về ý thức học tập, rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên

- SV cần tích cực học tập, rèn luyện tốt các KNM trong chương trình đào tạo của nhà trường.

Để hình thành, phát triển KNM cho SV, ngoài sự hướng dẫn mang tính định hướng của giảng viên ĐTKNM, các hoạt động hỗ trợ phát triển KNM của nhà trường thì ý thức tự học, tự rèn luyện, nghiên cứu các học phần KNM của bản thân SV là một yếu tố giữ vai trò quyết định. Nếu như tự thân SV không có ý thức phấn đấu, rèn luyện KNM được đào tạo trong thực tiễn thì mọi sự cố gắng trên đều khó có thể đạt được.

- SV cần tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học để rèn luyện, phát triển KNM.

Để tăng cường KN thuyết trình, KN làm việc nhóm, thì hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong SV sẽ giúp họ phát triển tốt hai KN này. Hoạt động NCKH trong SV có thể thực hiện dưới hình thức thấp hơn là thực hiện các bài tập nhóm, viết tiểu luận, sau đó yêu cầu SV lên thuyết trình, trình bày ý tưởng nội dung của đề tài. Cao hơn là thực hiện các đề tài NCKH SV dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Dù hình thức cao hay thấp đều giúp SV hình thành và nâng cao KNM về thuyết trình, sáng tạo, làm việc nhóm, thực hành cách sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp với bạn bè, khách hàng, đồng nghiệp, cấp trên sau này.

- SV cần tích cực tham gia vào các các hoạt động tập thể, xã hội.

SV cần tích cực tham gia các hoạt động của Đoàn, Hội, vào các công tác xã hội để tích lũy những KNM cần thiết. SV cần chủ động tìm kiếm, tham gia các lớp KNM phù hợp do nhà trường hoặc các tổ chức đào tạo uy tín giảng dạy; tìm hiểu về KNM thông qua hoạt động tuyên truyền trên website của Nhà trường, các kênh thông tin khác như fanpage KNM, bản tin của Đoàn trường, các trang mạng xã hội tin cậy từ đó có kế hoạch rèn luyện KNM cho bản thân. SV có thể tìm kiếm các công việc bán thời gian phù hợp với SV để tích lũy kinh nghiệm, KNM cần thiết hỗ trợ tích cực cho công việc tương lai theo ngành nghề nhất định.

4. Kết luận

Như vậy, ĐTKNM cho SV không chỉ nhằm hướng đến hoàn thiện nhân cách SV, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn mà còn đem lại chìa khóa thành công cho SV trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay. Dù mỗi SV có học ở các ngành nghề khác nhau thì KNM vẫn cần phải có. Nó cũng là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo của các trường đại học hiện nay. Do đó, để đáp ứng tốt được chuẩn đầu ra và nhu cầu thực tế của xã hội, các trường đại học cần nâng cao KNM cho SV hơn nữa trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Alex K. (2010), *Soft skills: Knowing yourself & Know the World*, New Delhi: S. Chand & Company Ltd, tr.18
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Quyết định số 619-BGDĐT, ngày 03/03/2022, Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2030*
3. Nguyễn Thế Kiệt (2014), *Triết học thẩm mỹ và nhân cách*, Nxb Chính trị quốc gia
4. Ngân hàng Thế giới (2014), *Báo cáo phát triển Việt Nam*
5. Rani S. (2010), *Need and importance of soft skills in students*, Sri Sarada College for Women, Salem, tr.3
6. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn Kỹ năng sống*, NXB Giáo dục, tr.77
7. Tạ Quang Thảo (2015), *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên khối ngành kinh tế các trường cao đẳng khu vực trung du, miền núi phía Bắc theo tiếp cận chuẩn đầu ra*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, trường Đại học Thái Nguyên, tr.21
8. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.934